

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP
ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động
kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP**

Thông tư số 34/2025/TT-NHNN ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2025, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 58/2025/TT-NHNN ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 34/2025/TT-NHNN hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 12 năm 2025.

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý ngoại hối;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP.¹

¹ Thông tư số 58/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 34/2025/TT-NHNN hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn về việc cấp, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy phép đối với hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ, hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng, hoạt động sản xuất vàng miếng, hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu vàng; việc cấp hạn mức xuất khẩu, nhập khẩu vàng; việc kết nối, cung cấp thông tin của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng hoạt động kinh doanh vàng và chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP (sau đây gọi là Nghị định số 24/2012/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với doanh nghiệp, tổ chức tín dụng có hoạt động kinh doanh vàng trên lãnh thổ Việt Nam và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Chương II**HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP/ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT VÀNG TRANG SỨC, MỸ NGHỆ; GIẤY PHÉP KINH DOANH MUA, BÁN VÀNG MIẾNG; GIẤY PHÉP SẢN XUẤT VÀNG MIẾNG****Điều 3. Hồ sơ đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ**

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ theo mẫu tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Văn bản hoặc tài liệu chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp địa điểm sản xuất;

Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý ngoại hối;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 34/2025/TT-NHNN hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP.”

c) Bản kê khai về cơ sở vật chất và trang thiết bị cần thiết phục vụ hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ.

2. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ:

a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ theo mẫu tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Trường hợp sửa đổi, bổ sung địa điểm sản xuất trên Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ, hồ sơ kèm theo văn bản hoặc tài liệu chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp địa điểm sản xuất và bản kê khai về cơ sở vật chất và trang thiết bị cần thiết phục vụ hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ tại địa chỉ mới.

Điều 4. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng theo mẫu tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Danh sách các địa điểm đăng ký làm địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng (trụ sở chính, chi nhánh, địa điểm kinh doanh).

3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (đối với doanh nghiệp); văn bản thể hiện địa điểm đăng ký làm địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng theo danh sách tại khoản 2 Điều này đã được thông báo tới cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Xác nhận của cơ quan thuế về số thuế đã nộp của hoạt động kinh doanh vàng trong 2 (hai) năm liền kề trước đó đối với doanh nghiệp.

Điều 5. Hồ sơ đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất vàng miếng

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng theo mẫu tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Quy định nội bộ quy định về sản xuất vàng miếng bao gồm những nội dung cơ bản như: quy trình nhập nguyên liệu; quy trình sản xuất vàng miếng; quy trình giám sát sản xuất vàng miếng; quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm;

c) Tài liệu chứng minh đã thực hiện xong các biện pháp khắc phục hậu quả theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính, các kiến nghị có thời hạn thực hiện tại kết luận thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động kinh doanh vàng (nếu có).

2. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất vàng miếng:

- a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất vàng miếng theo mẫu tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này;
- b) Hồ sơ, tài liệu chứng minh các nội dung thay đổi theo điểm a khoản này (đối với doanh nghiệp).

Chương III

HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU VÀNG

Điều 6. Hồ sơ đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm đối với doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm đối với doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài:

- a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm theo mẫu tại Phụ lục số 04a ban hành kèm theo Thông tư này;
- b) Hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài;
- c) Báo cáo tình hình nhập khẩu vàng nguyên liệu, sản xuất và xuất khẩu vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp trong thời hạn 12 (mười hai) tháng liền kề trước thời điểm nộp hồ sơ theo mẫu tại Phụ lục số 05a ban hành kèm theo Thông tư này, kèm bảng kê các tờ khai Hải quan tạm nhập - tái xuất vàng và Phiếu trừ lùi in từ hệ thống thông tin nghiệp vụ Hải quan có xác nhận của doanh nghiệp về tính chính xác của tài liệu này theo mẫu tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này (nếu có);

2. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm đối với doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài:

- a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm theo mẫu tại Phụ lục số 04a ban hành kèm theo Thông tư này;
- b) Hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài hoặc Phụ lục hợp đồng liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm;
- c) Báo cáo tình hình nhập khẩu vàng nguyên liệu, sản xuất và xuất khẩu vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp kể từ thời điểm được cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm đến thời điểm nộp hồ sơ theo mẫu tại Phụ lục số 05a ban hành kèm theo Thông tư này, kèm bảng kê các tờ

khai Hải quan tạm nhập - tái xuất vàng và Phiếu trừ lùi in từ Hệ thống thông tin nghiệp vụ Hải quan có xác nhận của doanh nghiệp về tính chính xác của tài liệu này theo mẫu tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ

Chậm nhất vào ngày 15 tháng 12 của năm trước năm kế hoạch hoặc khi cần bổ sung khối lượng nhập khẩu vàng nguyên liệu, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu. Hồ sơ bao gồm:

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu theo mẫu tại Phụ lục số 04b ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

3. Hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài.

4. Báo cáo tình hình thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu và tiêu thụ sản phẩm vàng tại thị trường Việt Nam trong thời hạn 12 (mười hai) tháng liền kề trước thời điểm nộp hồ sơ (trường hợp đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu trong năm kế hoạch) hoặc từ đầu năm đến thời điểm nộp hồ sơ (trường hợp bổ sung khối lượng nhập khẩu vàng nguyên liệu) theo mẫu tại Phụ lục số 05b ban hành kèm theo Thông tư này, kèm Bảng kê các tờ khai Hải quan xuất khẩu, nhập khẩu và Phiếu trừ lùi in từ Hệ thống thông tin nghiệp vụ Hải quan có xác nhận của doanh nghiệp về tính chính xác của tài liệu này theo mẫu tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này (nếu có).

Điều 8. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực khai thác vàng

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu theo mẫu tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

3. Tài liệu chứng minh nguồn vàng nguyên liệu dự kiến nhập khẩu là do doanh nghiệp khai thác ở nước ngoài hoặc được phân chia sản phẩm theo thỏa thuận khai thác vàng ở nước ngoài.

4. Báo cáo tình hình khai thác và nhập khẩu vàng nguyên liệu của doanh nghiệp trong thời hạn 12 (mười hai) tháng liền kề trước thời điểm nộp hồ sơ theo mẫu tại Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Thông tư này, kèm Bảng kê các tờ khai Hải quan nhập khẩu vàng và Phiếu trừ lùi in từ Hệ thống thông tin nghiệp vụ Hải quan có xác nhận của doanh nghiệp về tính chính xác của tài liệu này (nếu có).

Điều 9. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp có Giấy phép khai thác vàng tại Việt Nam

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu vàng nguyên liệu theo mẫu tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

3. Tài liệu chứng minh nguồn vàng nguyên liệu dự kiến xuất khẩu là do doanh nghiệp khai thác.

4. Báo cáo tình hình khai thác và xuất khẩu vàng nguyên liệu của doanh nghiệp trong thời hạn 12 (mười hai) tháng liền kề trước thời điểm nộp hồ sơ theo mẫu tại Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Thông tư này, kèm Bảng kê các tờ khai Hải quan xuất khẩu vàng và Phiếu trừ lùi in từ Hệ thống thông tin nghiệp vụ Hải quan có xác nhận của doanh nghiệp về tính chính xác của tài liệu này (nếu có).

Điều 10. Hồ sơ đề nghị cấp hạn mức xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp, ngân hàng thương mại được phép sản xuất vàng miếng

Hồ sơ đề nghị cấp hạn mức xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu cho năm tiếp theo:

1. Đơn đề nghị theo mẫu tại Phụ lục số 09 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động xuất, nhập khẩu vàng trong thời hạn 12 (mười hai) tháng liền kề trước thời điểm nộp hồ sơ theo mẫu tại Phụ lục số 27 ban hành kèm theo Thông tư này (nếu có).

Điều 11. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu vàng miếng, Giấy phép nhập khẩu vàng miếng, Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp, ngân hàng thương mại được phép sản xuất vàng miếng

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu vàng miếng:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu vàng miếng theo mẫu tại Phụ lục số 10 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Tài liệu chứng minh nguồn vàng miếng xuất khẩu từ nguồn nhập khẩu, sản xuất, mua trong nước (trong trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có yêu cầu).

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng miếng, Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng miếng/Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu theo mẫu tại Phụ lục số 10 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Kế hoạch sử dụng vàng miếng nhập khẩu/Kế hoạch sử dụng vàng nguyên liệu nhập khẩu; báo cáo hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu vàng miếng và vàng nguyên liệu từ đầu năm đến thời điểm nộp hồ sơ theo mẫu tại Phụ lục số 27 ban hành kèm theo Thông tư (nếu có).

Chương IV

THỦ TỤC CẤP, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT VÀNG TRANG SỨC, MỸ NGHỆ; GIẤY PHÉP KINH DOANH MUA, BÁN VÀNG MIÉNG; GIẤY PHÉP SẢN XUẤT VÀNG MIÉNG; HẠN MỨC XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU VÀNG; GIẤY PHÉP XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU VÀNG

Điều 12. Nguyên tắc lập, gửi và tiếp nhận hồ sơ

1. Văn bản tại hồ sơ đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung các loại Giấy chứng nhận, Giấy phép, cấp hạn mức trong hoạt động kinh doanh vàng quy định tại Chương II, Chương III Thông tư này phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền ký (sau đây gọi là người đại diện hợp pháp). Trường hợp ký theo ủy quyền, hồ sơ phải có văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận, Giấy phép, cấp hạn mức phải được lập 01 bộ bằng tiếng Việt.

3. Đối với thành phần hồ sơ là bản sao phải nộp bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu. Trong trường hợp người nộp hồ sơ nộp bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu, người đối chiếu phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.

4. Trong mỗi bộ hồ sơ phải có danh mục tài liệu.

5. Hồ sơ được gửi theo một trong các hình thức sau:

a) Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng thông tin một cửa quốc gia (nếu có);

b) Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực (nơi doanh nghiệp, tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính);

c) Gửi qua dịch vụ bưu chính;

d) Khi gửi hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng thông tin một cửa quốc gia (nếu có) hồ sơ điện tử được sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Trường hợp hệ thống Công dịch vụ công quốc gia, Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố hoặc có lỗi không thể tiếp nhận, trao đổi thông tin điện tử, việc khai, gửi, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin được thực hiện qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.

đ) Các tài liệu trong hồ sơ điện tử là bản điện tử quét từ bản gốc, bản chính (tập tin định dạng PDF).

6. Trong thời hạn 3 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung các loại Giấy chứng nhận, Giấy phép, cấp hạn mức trong hoạt động kinh doanh vàng quy định tại Chương II, Chương III Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có thông báo xác nhận về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

7. Việc trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức bằng văn bản điện tử được thực hiện thông qua phương thức trực tuyến hoặc bằng văn bản giấy thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.

Điều 13. Thủ tục cấp, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ

1. Doanh nghiệp có nhu cầu sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ nộp hồ sơ theo quy định tại Điều 3 và Điều 12 Thông tư này đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

2. Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 3 Thông tư này và kết quả kiểm tra thực tế cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực cấp hoặc từ chối cấp (ghi rõ lý do) Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ theo mẫu tại Phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 3 Thông tư này, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực xem xét và cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ theo mẫu tại Phụ lục số 12 ban hành kèm theo Thông tư này. Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ là bộ phận không tách rời của Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ.

4. Trường hợp thay đổi địa chỉ trụ sở chính, địa chỉ của địa điểm sản xuất do thay đổi địa giới hành chính, doanh nghiệp không cần làm thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ.

Điều 14. Thủ tục cấp, sửa đổi, bổ sung Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm đối với doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài; Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ

1. Doanh nghiệp có nhu cầu cấp, sửa đổi, bổ sung Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm đối với doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài; cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 12 Thông tư này đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

2. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 6 Thông tư này, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực cấp hoặc từ chối cấp (ghi rõ lý do) Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm theo mẫu tại Phụ lục số 13a ban hành kèm theo Thông tư này. Thời hạn có giá trị của Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm được xác định căn cứ theo hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ và tối đa là 12 tháng kể từ ngày cấp phép. Việc tái xuất sản phẩm thực hiện trong thời hạn có giá trị của Giấy phép. Khối lượng vàng nguyên liệu nhập khẩu được xác định căn cứ hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 6 Thông tư này, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực cấp hoặc từ chối cấp (ghi rõ lý do) Giấy phép sửa đổi, bổ sung tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm theo mẫu tại Phụ lục số 13a ban hành kèm theo Thông tư này. Thời hạn của Giấy phép sửa đổi, bổ sung được xác định căn cứ theo hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài hoặc phụ lục hợp đồng liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm và tối đa là 12 tháng kể từ ngày cấp Giấy phép lần đầu. Trường hợp điều chỉnh khối lượng vàng nguyên liệu nhập khẩu, khối lượng điều chỉnh được xác định căn cứ theo hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài hoặc phụ lục hợp đồng liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp.

4. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 7 Thông tư này, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực xem xét cấp hoặc từ chối cấp (ghi rõ lý do) Giấy phép nhập khẩu vàng

nguyên liệu đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ theo mẫu tại Phụ lục số 13b ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 15. Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực khai thác vàng; Giấy phép xuất khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp có Giấy phép khai thác vàng tại Việt Nam

1. Doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực khai thác vàng có nhu cầu nhập khẩu vàng nguyên liệu do doanh nghiệp khai thác ở nước ngoài và doanh nghiệp có Giấy phép khai thác vàng tại Việt Nam có nhu cầu xuất khẩu vàng nguyên liệu do doanh nghiệp khai thác vàng tại Việt Nam gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại Điều 8, Điều 9 và Điều 12 Thông tư này đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp hoặc từ chối cấp (ghi rõ lý do) Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực khai thác vàng; Giấy phép xuất khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp có Giấy phép khai thác vàng tại Việt Nam theo mẫu tại Phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 16. Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng

1. Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng có nhu cầu kinh doanh mua, bán vàng miếng gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại Điều 4 và Điều 12 Thông tư này đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo để Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực trên địa bàn kiểm tra về giấy tờ pháp lý chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp) và tình hình trang thiết bị cần thiết để triển khai hoạt động mua, bán vàng miếng tại địa điểm đăng ký làm địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng. Trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực báo cáo kết quả cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối).

3. Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 4 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp hoặc từ chối cấp (ghi rõ lý do) Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng theo mẫu tại Phụ lục số 15 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 17. Thủ tục cấp, sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất vàng miếng

1. Doanh nghiệp, ngân hàng thương mại có nhu cầu cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại Điều 5 và Điều 12 Thông tư này đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng cho doanh nghiệp, ngân hàng thương mại theo mẫu tại Phụ lục số 16 ban hành kèm theo Thông tư này hoặc từ chối cấp (ghi rõ lý do).

2. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày doanh nghiệp, ngân hàng thương mại thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính phải làm thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất vàng miếng. Doanh nghiệp, ngân hàng thương mại gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại Điều 5 và Điều 12 Thông tư này đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất vàng miếng cho doanh nghiệp, ngân hàng thương mại theo mẫu tại Phụ lục số 16 ban hành kèm theo Thông tư này hoặc từ chối cấp (ghi rõ lý do).

3. Trường hợp thay đổi địa chỉ trụ sở chính do thay đổi địa giới hành chính, doanh nghiệp, ngân hàng thương mại không cần làm thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất vàng miếng.

Điều 18. Hội đồng xây dựng, điều chỉnh hạn mức xuất khẩu, nhập khẩu vàng

1. Hội đồng xây dựng, điều chỉnh hạn mức xuất khẩu, nhập khẩu vàng (sau đây gọi tắt là Hội đồng xây dựng hạn mức) do một Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam làm Chủ tịch; các thành viên là Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước: Cục Quản lý ngoại hối, Vụ Chính sách tiền tệ, Vụ Dự báo, thống kê - Ổn định tiền tệ, tài chính, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng. Hội đồng xây dựng hạn mức hoạt động theo Quy chế do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành.

2. Nhiệm vụ của Hội đồng xây dựng hạn mức: Tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (thông qua Cục Quản lý ngoại hối) quyết định, điều chỉnh tổng hạn mức xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu; cấp, điều chỉnh hạn mức hằng năm xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu cho từng doanh nghiệp, ngân hàng thương mại quy định tại Điều 11a Nghị định số 24/2012/NĐ-CP.

Điều 19. Xây dựng, điều chỉnh tổng hạn mức xuất khẩu, nhập khẩu vàng, hạn mức hằng năm xuất khẩu, nhập khẩu vàng cho doanh nghiệp, ngân hàng thương mại quy định tại Điều 11a Nghị định số 24/2012/NĐ-CP

1. Căn cứ vào mục tiêu chính sách tiền tệ và cung - cầu vàng trong từng thời kỳ, quy mô dự trữ ngoại hối nhà nước, tình hình thực hiện hoạt động xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, vàng nguyên liệu, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xây dựng, điều chỉnh tổng hạn mức hằng năm đối với việc xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu của các doanh nghiệp, ngân hàng thương mại quy định tại Điều 11a Nghị định số 24/2012/NĐ-CP.

2. Trên cơ sở tổng hạn mức hằng năm quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện cấp, điều chỉnh hạn mức hằng năm cho từng doanh nghiệp, ngân hàng thương mại theo quy mô vốn điều lệ; tình hình xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu (nếu có); tình hình sử dụng vàng nguyên liệu nhập khẩu theo mục đích tại Giấy phép nhập khẩu và nhu cầu của doanh nghiệp, ngân hàng thương mại.

3. Thời hạn xây dựng, cấp hạn mức xuất khẩu, nhập khẩu vàng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này thực hiện chậm nhất ngày 15 tháng 12 hàng năm.

4. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định thành lập Hội đồng xây dựng, điều chỉnh hạn mức xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 20. Thủ tục cấp hạn mức xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp, ngân hàng thương mại được phép sản xuất vàng miếng

1. Chậm nhất ngày 15 tháng 11 năm liền kề trước năm đề nghị cấp hạn mức, các doanh nghiệp, ngân hàng thương mại quy định tại Điều 11a Nghị định số 24/2012/NĐ-CP có nhu cầu cấp hạn mức xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu cho năm tiếp theo gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại Điều 10 và Điều 12 Thông tư này đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 19, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp hạn mức xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu cho doanh nghiệp, ngân hàng thương mại tại khoản 1 Điều này theo mẫu tại Phụ lục số 17 ban hành kèm theo Thông tư này hoặc có văn bản thông báo từ chối (ghi rõ lý do).

Điều 21. Thủ tục cấp Giấy phép xuất khẩu vàng miếng; Giấy phép nhập khẩu vàng miếng; Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp, ngân hàng thương mại được phép sản xuất vàng miếng

1. Doanh nghiệp, ngân hàng thương mại được cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng có nhu cầu xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại Điều 11 và Điều 12 Thông tư này đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 11 Thông tư này, căn cứ hạn mức được cấp hàng năm theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Thông tư này, tình hình xuất khẩu, nhập khẩu vàng miếng, tình hình nhập khẩu vàng nguyên liệu, tình hình sử dụng vàng nguyên liệu nhập khẩu theo mục đích tại Giấy phép nhập khẩu, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp Giấy phép xuất khẩu vàng miếng, Giấy phép nhập khẩu vàng miếng, Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu cho doanh nghiệp, ngân hàng thương mại theo mẫu tại Phụ lục số 18 ban hành kèm theo Thông tư này hoặc có văn bản thông báo từ chối cấp Giấy phép (ghi rõ lý do).

Chương V

HỒ SƠ, THỦ TỤC THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT VÀNG TRANG SỨC, MỸ NGHỆ; GIẤY PHÉP KINH DOANH MUA, BÁN VÀNG MIẾNG; GIẤY PHÉP SẢN XUẤT VÀNG MIẾNG

Điều 22. Hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ

1. Trường hợp doanh nghiệp tự nguyện chấm dứt hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ

a) Doanh nghiệp gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính hồ sơ gồm:

a.1) Văn bản đề nghị việc tự nguyện chấm dứt hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ, trong đó nêu rõ lý do;

a.2) Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp và bản chính các tài liệu là bộ phận không tách rời của Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp (nếu có);

b) Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ra Quyết định thu hồi Giấy

chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp theo mẫu tại Phụ lục số 19 ban hành kèm Thông tư này.

2. Trường hợp doanh nghiệp bị yêu cầu chấm dứt hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ

a) Căn cứ kết quả thanh tra, giám sát hoặc đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ra Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp theo mẫu tại Phụ lục số 19 ban hành kèm Thông tư này;

b) Trong thời hạn tối đa 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực về việc chấm dứt hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp lại bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ và bản chính các tài liệu là bộ phận không tách rời của Giấy chứng nhận (nếu có), đồng thời chấm dứt hoạt động sản xuất vàng trang sức mỹ nghệ.

Điều 23. Hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng

1. Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức tín dụng tự nguyện chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng

a) Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hồ sơ gồm:

a.1) Văn bản đề nghị việc tự nguyện chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng, trong đó nêu rõ lý do;

a.2) Bản chính Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng và bản chính các tài liệu là bộ phận không tách rời của Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng (nếu có);

b) Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Quyết định thu hồi Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng theo mẫu tại Phụ lục số 20 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức tín dụng bị yêu cầu chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng

a.1) Giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;

a.2) Theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Cục Quản lý ngoại hối trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Quyết định thu hồi Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng theo mẫu tại Phụ lục số 20 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Trong thời hạn tối đa 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng, doanh nghiệp, tổ chức tín dụng có trách nhiệm nộp lại bản chính Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng và bản chính các tài liệu là bộ phận không tách rời của Giấy phép (nếu có), đồng thời chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng.

Điều 24. Hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép sản xuất vàng miếng

1. Trường hợp doanh nghiệp, ngân hàng thương mại tự nguyện chấm dứt hoạt động sản xuất vàng miếng:

a) Doanh nghiệp, ngân hàng thương mại gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hồ sơ gồm:

a.1) Văn bản đề nghị việc tự nguyện chấm dứt hoạt động sản xuất vàng miếng, trong đó nêu rõ lý do;

a.2) Bản chính Giấy phép sản xuất vàng miếng và bản chính các tài liệu là bộ phận không tách rời của Giấy phép sản xuất vàng miếng (nếu có);

b) Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, ngân hàng thương mại, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Quyết định thu hồi Giấy phép sản xuất vàng miếng của doanh nghiệp, ngân hàng thương mại theo mẫu tại Phụ lục số 21 ban hành kèm Thông tư này.

2. Trường hợp doanh nghiệp, ngân hàng thương mại bị thu hồi Giấy phép khi:

a) Giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;

b) Bị thu hồi Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng;

c) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu chấm dứt hoạt động sản xuất vàng miếng.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định thu hồi Giấy phép sản xuất vàng miếng theo mẫu Phụ lục số 21 ban hành kèm theo Thông tư này. Doanh nghiệp, ngân hàng thương mại phải chấm dứt ngay hoạt động sản xuất vàng miếng tại thời điểm bị thu hồi Giấy phép sản xuất vàng miếng và phải nộp lại bản chính Giấy phép sản xuất vàng miếng và các Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép

sản xuất vàng miếng cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong vòng 3 (ba) ngày làm việc.

Chương VI

KẾT NỐI CUNG CẤP THÔNG TIN

Điều 25. Nguyên tắc, cách thức kết nối thông tin

Việc kết nối cung cấp thông tin cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng được cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng; doanh nghiệp, ngân hàng thương mại được cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng, Giấy phép xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu được thực hiện theo nguyên tắc, cách thức sau:

1. Thông tin cung cấp được chiết xuất từ hệ thống dữ liệu của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, đảm bảo đầy đủ, chính xác.
2. Kết nối bằng phương thức điện tử, đảm bảo kịp thời.

Điều 26. Phạm vi kết nối thông tin

1. Thông tin kết nối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng được cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng bao gồm:

- a) Thông tin căn cước cá nhân, mã số thuế doanh nghiệp;
- b) Khối lượng mua, bán vàng miếng;
- c) Giá trị giao dịch mua, bán vàng miếng.

Mẫu thông tin kết nối được quy định tại Phụ lục số 28 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Thông tin kết nối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam của doanh nghiệp, ngân hàng thương mại được cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng, Giấy phép xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu bao gồm:

- a) Thông tin về hoạt động sản xuất vàng miếng (nguyên liệu đầu vào, thời gian sản xuất, sản phẩm đầu ra);
- b) Thông tin về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu vàng (khối lượng vàng, hàm lượng vàng, giá trị xuất khẩu, nhập khẩu);
- c) Thông tin về hoạt động giao dịch bán vàng nguyên liệu (đối tác, khối lượng, hàm lượng và giá trị giao dịch).

Mẫu thông tin kết nối được quy định tại các Phụ lục số 25, 26, 29, 30 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 27. Thời hạn lưu trữ thông tin

Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng phải lưu trữ đầy đủ các thông tin quy định tại Điều 26 Thông tư này. Thời hạn lưu trữ tối thiểu thông tin quy định tại Điều 26 Thông tư này là 10 (mười) năm kể từ ngày dữ liệu thông tin được kết nối cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Chương VII**CHẾ ĐỘ BÁO CÁO****Điều 28. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực**

1. Định kỳ hằng quý, năm, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực tổng hợp báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tình hình quản lý hoạt động kinh doanh vàng trên địa bàn theo mẫu Phụ lục số 22 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Thời hạn nộp báo cáo định kỳ quy định tại khoản 1 Điều này như sau:

a) Đối với báo cáo quý: chậm nhất vào ngày 20 (hai mươi) của tháng đầu tiên quý tiếp theo quý báo cáo;

b) Đối với báo cáo năm: chậm nhất vào ngày 20 (hai mươi) tháng 01 (một) của năm tiếp theo năm báo cáo.

Điều 29. Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng hoạt động kinh doanh vàng

1. Định kỳ hằng ngày hoặc khi cần thiết, doanh nghiệp, tổ chức tín dụng được cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng thực hiện báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam doanh số kinh doanh mua, bán vàng miếng theo mẫu tại Phụ lục số 28 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Định kỳ hằng quý, doanh nghiệp, tổ chức tín dụng được cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng có thực hiện thay đổi nội dung về thông tin doanh nghiệp trên Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng (bao gồm thay đổi tên doanh nghiệp, địa chỉ của địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng, bổ sung địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng, chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng tại địa điểm đã được cấp phép) gửi báo cáo về các nội dung thay đổi, điều chỉnh nêu trên phát sinh trong kỳ báo cáo theo mẫu Phụ lục số 23 ban hành kèm theo Thông tư này, cụ thể như sau:

a) Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng gửi báo cáo của toàn hệ thống cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi doanh nghiệp, tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính;

b) Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng gửi báo cáo của chi nhánh, phòng giao dịch có phát sinh thay đổi cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực trên địa bàn có chi nhánh, phòng giao dịch đó;

Trường hợp thay đổi địa chỉ của điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng do thay đổi địa giới hành chính, doanh nghiệp, tổ chức tín dụng không cần gửi báo cáo theo quy định tại khoản này.

3. Định kỳ hằng quý, năm hoặc khi cần thiết, doanh nghiệp kinh doanh vàng thực hiện báo cáo tình hình kinh doanh vàng cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực theo quy định sau:

a) Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ thực hiện báo cáo hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ theo mẫu tại Phụ lục số 24 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Doanh nghiệp kinh doanh vàng có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ cho nước ngoài được cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm thực hiện báo cáo tình hình nhập khẩu vàng nguyên liệu, sản xuất và xuất khẩu vàng trang sức mỹ nghệ theo mẫu tại Phụ lục số 05a ban hành kèm theo Thông tư này. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ xuất khẩu thực hiện báo cáo tình hình xuất khẩu, nhập khẩu vàng và tiêu thụ sản phẩm vàng tại Việt Nam theo mẫu tại Phụ lục số 05b ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Định kỳ hằng tháng, năm hoặc khi cần thiết, doanh nghiệp, ngân hàng thương mại được cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tình hình thực hiện sản xuất vàng miếng và mua, bán vàng nguyên liệu theo mẫu tại Phụ lục số 25, 29, 30 ban hành kèm theo Thông tư này.

Định kỳ hằng tháng, năm hoặc khi cần thiết, doanh nghiệp, ngân hàng thương mại được cấp Giấy phép xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tình hình thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu vàng theo mẫu tại Phụ lục số 26 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc kể từ khi kết thúc hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ cho nước ngoài, doanh nghiệp kinh doanh vàng có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ cho nước ngoài được cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực tình hình thực hiện hợp đồng gia công kèm theo Bảng thanh khoản hợp đồng gia công có xác nhận của hải quan.

6. Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng phải niêm yết công khai giá mua, giá bán vàng miếng tại địa điểm kinh doanh, mua bán vàng miếng hoặc trên trang thông tin điện tử và kết nối cung cấp thông tin về mức giá niêm yết

cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

7. Trong trường hợp nội dung báo cáo tại khoản 1, 3 và 4 Điều này được quy định tại chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các tổ chức tín dụng thì tổ chức tín dụng thực hiện báo cáo theo chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các tổ chức tín dụng.

Điều 30. Thời hạn gửi báo cáo định kỳ

Thời hạn gửi các báo cáo định kỳ theo quy định tại Thông tư này như sau:

1. Đối với báo cáo định kỳ hằng ngày: chậm nhất vào 14 giờ của ngày làm việc tiếp theo ngày báo cáo.
2. Đối với báo cáo định kỳ hằng tháng: chậm nhất vào ngày 8 (tám) của tháng tiếp theo tháng báo cáo.
3. Đối với báo cáo định kỳ hằng quý: chậm nhất vào ngày 15 (mười lăm) của tháng đầu tiên quý tiếp theo quý báo cáo.
4. Đối với báo cáo định kỳ hằng năm: chậm nhất vào ngày 15 (mười lăm) tháng 01 (một) của năm tiếp theo năm báo cáo.

Chương VIII

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Điều 31. Trách nhiệm của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng hoạt động kinh doanh vàng

Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng hoạt động kinh doanh vàng có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các quy định tại Nghị định số 24/2012/NĐ-CP và Thông tư này.

Điều 32. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Cục Quản lý ngoại hối:

a) Đầu mỗi trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Quy chế xây dựng, điều chỉnh tổng hạn mức xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu cho doanh nghiệp, ngân hàng thương mại;

b) Đầu mỗi trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp, sửa đổi, thu hồi Giấy phép sản xuất vàng miếng.

c) Cử đại diện tham gia Hội đồng xây dựng hạn mức quy định tại Điều 18 Thông tư này. Đầu mỗi phối hợp với các đơn vị có liên quan tổng hợp, tham mưu trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định, điều chỉnh tổng hạn mức hằng năm xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu; cấp, điều chỉnh hạn mức hằng năm xuất khẩu vàng

miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu cho từng doanh nghiệp, ngân hàng thương mại;

d) Đầu mối trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng xây dựng hạn mức quy định tại Điều 18 Thông tư này;

đ) Tham mưu trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp, sửa đổi, thu hồi Giấy phép xuất khẩu vàng miếng, Giấy phép nhập khẩu vàng miếng, Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu cho các doanh nghiệp, ngân hàng thương mại theo quy định tại Thông tư này.

2. Vụ Pháp chế, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng phối hợp với Cục Quản lý ngoại hối tham mưu trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng.

3. Vụ Chính sách tiền tệ, Vụ Dự báo, thống kê - Ổn định tiền tệ, tài chính, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng cử đại diện tham gia Hội đồng xây dựng hạn mức quy định tại Điều 18 Thông tư này, phối hợp với Cục Quản lý ngoại hối thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng xây dựng hạn mức.

4. Cục Công nghệ thông tin phối hợp với Cục Quản lý ngoại hối hướng dẫn cách thức, tổ chức triển khai, tiếp nhận thông tin kết nối của các tổ chức theo quy định tại Thông tư này, chỉnh sửa hệ thống báo cáo của Ngân hàng Nhà nước đảm bảo các đơn vị có thể gửi, tiếp nhận, thu thập và khai thác các mẫu biểu báo cáo quy định tại Thông tư.

5. Thời báo ngân hàng có trách nhiệm tiếp nhận và đăng tải trên trang thông tin điện tử Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về giá mua, giá bán vàng miếng do doanh nghiệp, tổ chức tín dụng được cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng cung cấp.

6. Thanh tra Ngân hàng Nhà nước và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có trách nhiệm thực hiện thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm đối với các hoạt động sản xuất vàng miếng, vàng trang sức, mỹ nghệ; hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng; hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu vàng miếng, vàng nguyên liệu và hoạt động kinh doanh vàng khác quy định tại khoản 9 Điều 4 Nghị định số 24/2012/NĐ-CP theo các quy định tại Thông tư này.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH²

² Điều 2 của Thông tư số 58/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 34/2025/TT-NHNN hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 26/12/2025 quy định như sau:

Điều 33. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2025, trừ quy định tại khoản 4, 5 Điều này.

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, các văn bản sau đây hết hiệu lực thi hành, bao gồm:

a) Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

b) Thông tư số 38/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

c) Thông tư số 03/2017/TT-NHNN ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

d) Thông tư số 29/2019/TT-NHNN ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

đ) Thông tư số 15/2021/TT-NHNN ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25/5/2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

e) Điều 1 Thông tư số 24/2022/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối.

“Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 26/12/2025.

2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng có hoạt động kinh doanh vàng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./”

3. Các Giấy chứng nhận, Giấy phép được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực tiếp tục có hiệu lực cho đến khi Giấy phép đó hết hiệu lực. Trường hợp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận, Giấy phép được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực phải thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

4. Thời điểm bắt đầu triển khai kết nối các thông tin từ doanh nghiệp, ngân hàng thương mại cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tại Chương VI Thông tư này được thực hiện chậm nhất trước ngày 31/3/2026.

Trong thời gian chưa thực hiện kết nối, việc báo cáo của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng được thực hiện như sau:

a) Doanh nghiệp, ngân hàng thương mại được cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng thực hiện báo cáo theo các mẫu tại Phụ lục số 25, 26, 29, 30 ban hành kèm theo Thông tư này bằng văn bản;

b) Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng được cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng thực hiện báo cáo theo mẫu tại Phụ lục số 10a ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-NHNN;

c) Các Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực báo cáo theo mẫu tại Phụ lục 12 ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-NHNN.

5. Thời điểm bắt đầu triển khai kết nối cung cấp thông tin về mức giá niêm yết cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tại khoản 6 Điều 29 Thông tư này được thực hiện chậm nhất trước ngày 31/12/2025.

6.³ Căn cứ vào tình hình cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng cho doanh nghiệp, ngân hàng thương mại, việc xây dựng tổng hạn mức, cấp hạn mức xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu trong năm 2025, 2026 cho các doanh nghiệp, ngân hàng thương mại quy định tại Điều 11a Nghị định số 24/2012/NĐ-CP thực hiện theo quy định tại Điều 19, Điều 20 Thông tư này, trừ quy định về thời hạn tại khoản 3 Điều 19 và Điều 20 Thông tư này.

7. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng có hoạt động kinh doanh vàng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.

³ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Điều 1 của Thông tư số 58/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 34/2025/TT-NHNN hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 26/12/2025.

PHỤ LỤC SỐ 01

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.... , ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT VÀNG TRANG SỨC, MỸ NGHỆ**Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Khu vực...**

1. Tên doanh nghiệp: ...
2. Trụ sở chính: ...
3. Địa điểm sản xuất: ...
4. Điện thoại: ... Email: ...
5. Họ và tên Người đại diện theo pháp luật:
6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:
7. Vốn điều lệ:

Căn cứ điều kiện quy định tại Nghị định 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư số /2025/TT-NHNN ngày... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Khu vực ... xem xét:

- Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ cho (tên doanh nghiệp).

- Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ cho (tên doanh nghiệp), nội dung cụ thể như sau: ...

Chúng tôi xin cam đoan:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Khu vực ...;

- Tuân thủ các quy định về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, các quy định về quản lý ngoại hối và các quy định pháp luật có liên quan.

Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hồ sơ gửi kèm: (Doanh nghiệp liệt kê các tài liệu gửi kèm).

TÊN DOANH NGHIỆP/
TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Số: ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC SỐ 02

...., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
KINH DOANH MUA, BÁN VÀNG MIẾNG**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối)

1. Tên doanh nghiệp/tổ chức tín dụng: ...
2. Trụ sở chính: ...
3. Điện thoại: ... Email: ...
4. Họ và tên Người đại diện theo pháp luật:
5. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng số: ...
6. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số (*đối với doanh nghiệp*): ...
7. Vốn điều lệ: ...
8. Thời gian hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh vàng: ...
9. Số lượng chi nhánh, địa điểm dự kiến kinh doanh mua, bán vàng miếng tại Việt Nam: ..

Căn cứ điều kiện quy định tại Nghị định 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư số .../2025/TT-NHNN ngày... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng cho (*tên doanh nghiệp/tổ chức tín dụng*).

Chúng tôi xin cam đoan:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Tuân thủ các quy định về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, các quy định về quản lý ngoại hối và các quy định pháp luật có liên quan.

Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp/ TCTD
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hồ sơ gửi kèm: (*Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng liệt kê các tài liệu gửi kèm*).

PHỤ LỤC SỐ 03

DOANH NGHIỆP/
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI
Số: ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP SẢN XUẤT VÀNG MIẾNG

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối)

1. Tên doanh nghiệp/ngân hàng thương mại: ...
2. Tên giao dịch đối ngoại (nếu có): ...
3. Họ và tên Người đại diện theo pháp luật: ...
3. Giấy đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại số: ...
4. Trụ sở chính: ...
5. Vốn điều lệ: ...
6. Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng số: ...

Căn cứ điều kiện quy định tại Nghị định 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư số ... /2025/TT-NHNN ngày... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp/sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất vàng miếng.

Nêu rõ lý do đối với trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất vàng miếng:...

Chúng tôi xin cam đoan:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Tuân thủ các quy định về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, các quy định về quản lý ngoại hối và các quy định pháp luật có liên quan.

**Người đại diện hợp pháp của
doanh nghiệp/ ngân hàng thương mại**
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hồ sơ gửi kèm: (Doanh nghiệp/Ngân hàng thương mại liệt kê các tài liệu gửi kèm)

TÊN DOANH NGHIỆP

PHỤ LỤC SỐ 04a
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

... , ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP
TẠM NHẬP VÀNG NGUYÊN LIỆU ĐỂ TÁI XUẤT SẢN PHẨM

(áp dụng cho doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài)

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ...

1. Tên doanh nghiệp: ...
2. Trụ sở chính: ...
3. Điện thoại: ... Email: ...
4. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: ...
5. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: ...
6. Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ: ...

7. Trường hợp đề nghị cấp Giấy phép: Căn cứ quy định tại Nghị định 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP ngày 26/8/2025 và hướng dẫn tại Thông tư số ... ngày ... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, *(tên doanh nghiệp)* đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ... xem xét cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để gia công tái xuất sản phẩm với nội dung như sau:

1. Khối lượng vàng xin nhập khẩu *(tính theo Kg)*: ...
2. Loại vàng xin nhập khẩu *(theo Kara)*: ...
3. Cửa khẩu nhập khẩu: ...
4. Thời gian dự định nhập khẩu: ...

8. Trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép: Căn cứ Giấy phép số ... ngày ... của NHNN chi nhánh Khu vực ... và nhu cầu sửa đổi, bổ sung Giấy phép số ..., *(tên doanh nghiệp)* đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ... xem xét sửa đổi, bổ sung Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để gia công tái xuất sản phẩm với nội dung như sau:

(nêu cụ thể nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung)

Chúng tôi xin cam đoan:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Khu vực;
- Tuân thủ các quy định về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, các quy định về quản lý ngoại hối và các quy định pháp luật có liên quan.

Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp

(Ký tên, đóng dấu)

Hồ sơ gửi kèm:

(Doanh nghiệp liệt kê các tài liệu gửi kèm)

TÊN DOANH NGHIỆP

PHỤ LỤC SỐ 04b

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU VÀNG NGUYÊN LIỆU
(áp dụng cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài)

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ...

1. Tên doanh nghiệp: ...
2. Trụ sở chính: ...
3. Điện thoại: ... Email: ...
4. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: ...
5. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: ...
6. Giấy chứng nhận đầu tư số: ... Ngày cấp: ...
7. Hình thức đầu tư: (100% vốn nước ngoài/liên doanh ...)
8. Tổng vốn đầu tư (theo Giấy chứng nhận đầu tư): ...
Trong đó: - Vốn đầu tư: ...
- Vốn vay: ...
9. Tỷ lệ xuất khẩu, tiêu thụ sản phẩm tại Việt Nam (theo Giấy chứng nhận đầu tư): ...
10. Số lượng cán bộ, công nhân: ...
11. Thời gian bắt đầu đi vào hoạt động: ...

Căn cứ quy định tại Nghị định 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư số ... ngày ... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, (tên doanh nghiệp) đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực... xem xét cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng trang sức mỹ nghệ trong năm ... qua cửa khẩu ..., với nội dung như sau:

| STT | Loại vàng | Hàm lượng (theo kara) | Khối lượng (kg) | Giá trị ước tính (USD) |
|-----|-------------|--------------------------|--------------------|---------------------------|
| | ... | | | |
| | ... | | | |
| | Tổng | | ... | ... |

Chúng tôi xin cam đoan:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Khu vực;
- Tuân thủ các quy định về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, các quy định về quản lý ngoại hối và các quy định pháp luật có liên quan.

Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp
(Ký tên, đóng dấu)

Hồ sơ gửi kèm: (Doanh nghiệp liệt kê các tài liệu gửi kèm).

TÊN DOANH NGHIỆP

PHỤ LỤC SỐ 05a

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... , ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ...

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH NHẬP KHẨU VÀNG NGUYÊN LIỆU,
SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU VÀNG TRANG SỨC, MỸ NGHỆ**

(áp dụng cho doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài)

Từ ... đến ...

| STT | Loại vàng (kara) | Khối lượng được cấp phép (kg) | Tồn đầu kỳ | | Thực nhập | | Sản xuất | Thực xuất | | Tồn cuối kỳ | |
|-----------|---|-------------------------------------|--------------------|------------------|--------------------|------------------|--------------------|--------------------|------------------|-----------------------|------------------|
| | | | Khối lượng (kg) | Giá trị (USD) | Khối lượng (kg) | Giá trị (USD) | Khối lượng (kg) | Khối lượng (kg) | Giá trị (USD) | Khối lượng (kg) | Giá trị (USD) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| I | Tổng (I=I.1 + I.2 + I.3 +I.4) | ... | | ... | | ... | | | ... | | ... |
| I.1 | Vàng TSMN 24k | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| I.2 | Vàng TSMN 18k | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| I.3 | Vàng TSMN 14k | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| I.4 | Tổng các loại vàng TSMN hàm lượng khác quy 24k | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| II | Tổng (quy vàng 24k) | ... | ... | | ... | | ... | ... | | ... | |

Người lập biểu

(Ký, họ tên, số điện thoại liên hệ)

Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp

(Ký, họ tên, đóng dấu)

- Đơn vị gửi báo cáo:** Doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài
- Thời hạn gửi báo cáo:** chậm nhất vào ngày 15 của tháng đầu quý tiếp theo quý báo cáo (đối với báo cáo quý), chậm nhất vào ngày 15 của tháng 01 của năm tiếp theo năm báo cáo (đối với báo cáo năm).
- Đơn vị nhận báo cáo:** NHNN chi nhánh Khu vực
- Hướng dẫn lập báo cáo:**
 - Số liệu của cột (4) và (5) của kỳ này phải bằng số liệu của cột (11) và (12) của kỳ trước liền kề.
 - Các ô xám trong bảng là các ô không nhập số liệu.

TÊN DOANH NGHIỆP

PHỤ LỤC SỐ 05b

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... , ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ...

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU VÀNG
VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM VÀNG TẠI VIỆT NAM**

(áp dụng cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ)

Từ ... đến ...

| STT | Loại vàng (kara) | Hạn mức (kg) | Tồn đầu kỳ | | Thực nhập | | Mua trong nước | | Sản xuất | Thực xuất | | Bán trong nước | | Tồn cuối kỳ | |
|-----------|--|--------------|-----------------|---------------|-----------------|---------------|-----------------|---------------|----------|-----------------|---------------|-----------------|---------------|-----------------|---------------|
| | | | Khối lượng (kg) | Giá trị (USD) | Khối lượng (kg) | Giá trị (USD) | Khối lượng (kg) | Giá trị (VND) | | Khối lượng (kg) | Giá trị (USD) | Khối lượng (kg) | Giá trị (VND) | Khối lượng (kg) | Giá trị (USD) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) |
| I | Tổng (I=I.1 + I.2 + I.3 +I.4) | ... | | ... | | ... | | ... | | | ... | | ... | | ... |
| I.1 | Vàng TSMN 24k | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| I.2 | Vàng TSMN 18k | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| I.3 | Vàng TSMN 14k | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| I.4 | Tổng các loại vàng TSMN hàm lượng khác quy 24k | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| II | Tổng (quy vàng 24k) | ... | ... | | ... | | ... | | ... | ... | | ... | | ... | |

Người lập biểu

(Ký, họ tên, số điện thoại liên hệ)

Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp

(Ký, họ tên, đóng dấu)

- Đơn vị gửi báo cáo:** Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ
- Thời hạn gửi báo cáo:** chậm nhất vào ngày 15 của tháng đầu quý tiếp theo quý báo cáo (đối với báo cáo quý), chậm nhất vào ngày 15 của tháng 01 của năm tiếp theo năm báo cáo (đối với báo cáo năm).
- Đơn vị nhận báo cáo:** NHNN (Cục QLNH)
- Hướng dẫn lập báo cáo:**
 - Số liệu của cột (4) và (5) của kỳ này phải bằng số liệu của cột (15) và (16) của kỳ trước liền kề.
 - Các ô xám trong bảng là các ô không nhập số liệu.

TÊN DOANH NGHIỆP

PHỤ LỤC SỐ 06

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... , ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ...

BẢNG KÊ TỜ KHAI HẢI QUAN (XUẤT KHẨU/NHẬP KHẨU/TẠM NHẬP TÁI XUẤT)

(áp dụng cho Doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài thực hiện tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm và Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ)

| STT | Số tờ khai | Ngày đăng ký | Sản phẩm xuất khẩu | | Vàng nguyên liệu nhập khẩu được sử dụng để sản xuất, gia công sản phẩm xuất khẩu (chi tiết đối với từng tờ khai) | | |
|-------------|------------|--------------|--------------------|---------------|--|-----------------|---------------|
| | | | Khối lượng (kg) | Giá trị (USD) | Loại vàng | Khối lượng (kg) | Giá trị (USD) |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| Tổng | | | | | | | |

Người lập biểu
(Ký, họ tên, số điện thoại)

Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp
(Ký, họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 07

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... , ngày ... tháng năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU VÀNG NGUYÊN LIỆU
(*đối với doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực khai thác vàng*)**GIẤY PHÉP XUẤT KHẨU VÀNG NGUYÊN LIỆU**
(*đối với doanh nghiệp có Giấy phép khai thác vàng tại Việt Nam*)**Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối)**

1. Tên doanh nghiệp:
2. Trụ sở chính:
3. Điện thoại: ... Email: ...
4. Giấy chứng nhận đầu tư số: ... Ngày cấp: ...
 - 4.1. Hình thức đầu tư: (100% vốn nước ngoài/ liên doanh...)
 - 4.2. Tổng vốn đầu tư (theo Giấy chứng nhận đầu tư):
Trong đó: - Vốn đầu tư:
- Vốn vay:
5. Giấy phép khai thác vàng (*đối với doanh nghiệp có nhu cầu xuất khẩu vàng nguyên liệu do doanh nghiệp khai thác*): ...

Căn cứ điều kiện quy định tại Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2025 và hướng dẫn tại Thông tư số ... /2025/TT-NHNN ngày... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp Giấy phép nhập khẩu/xuất khẩu vàng nguyên liệu cho... (*tên doanh nghiệp*) trong năm ... với nội dung cụ thể như sau:

1. Khối lượng vàng xin nhập khẩu/xuất khẩu (tính theo Kg):
2. Loại vàng xin nhập khẩu/xuất khẩu (theo hàm lượng vàng):
3. Mục đích nhập khẩu/xuất khẩu:
4. Cửa khẩu nhập khẩu/xuất khẩu:
5. Thời gian dự định nhập khẩu/xuất khẩu:

Chúng tôi xin cam đoan:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Tuân thủ các quy định về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, các quy định về quản lý ngoại hối và các quy định pháp luật có liên quan.

Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hồ sơ gửi kèm: (*Doanh nghiệp liệt kê các tài liệu gửi kèm*)

PHỤ LỤC SỐ 08

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số: ...

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... , ngày... tháng... năm...

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối)

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH KHAI THÁC
VÀ NHẬP KHẨU/XUẤT KHẨU VÀNG NGUYÊN LIỆU***(áp dụng cho doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực khai thác vàng
và doanh nghiệp có giấy phép khai thác vàng tại Việt Nam)**(Báo cáo từ ... đến ...)*

Theo Giấy phép số ... ngày ... của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

| Loại vàng | Sản lượng khai thác (kg) | Hạn mức được cấp (kg) | Đã thực hiện (kg) | Lũy kế từ đầu năm (kg) | Còn lại (kg) |
|-------------|--------------------------|-----------------------|-------------------|------------------------|--------------|
| | | | | | |
| | | | | | |
| Tổng | | ... | ... | | ... |

Người lập biểu
*(Ký, họ tên, số điện thoại)*Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp
(Ký, họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 09

TÊN DOANH NGHIỆP/
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI
Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP HẠN MỨC XUẤT KHẨU VÀNG MIẾNG/
NHẬP KHẨU VÀNG MIẾNG/ NHẬP KHẨU VÀNG NGUYÊN LIỆU**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối)

- Tên doanh nghiệp/ngân hàng thương mại:
- Trụ sở chính:
- Giấy phép sản xuất vàng miếng số:

Căn cứ điều kiện quy định tại Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/202NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư số ... /2025/TT-NHNN ngày... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp hạn mức xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu cho năm ..., cụ thể:

| STT | Xuất khẩu vàng miếng | | Nhập khẩu vàng miếng | | Nhập khẩu vàng nguyên liệu | |
|-----|----------------------------|-----------------|----------------------------|-----------------|----------------------------|-----------------|
| | Loại vàng (hàm lượng %) | Khối lượng (kg) | Loại vàng (hàm lượng %) | Khối lượng (kg) | Loại vàng (hàm lượng %) | Khối lượng (kg) |
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |
| ... | | | | | | |

- Mục đích nhập khẩu vàng nguyên liệu (đối với đề nghị cấp Hạn mức nhập khẩu vàng nguyên liệu):

| STT | Mục đích | Nhập khẩu vàng nguyên liệu | |
|-----|---|----------------------------|--------------------|
| | | Loại vàng (hàm lượng %) | Khối lượng (kg) |
| 1 | Sản xuất vàng miếng và bán cho doanh nghiệp, ngân hàng thương mại được cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng | | |
| 2 | Sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ và bán cho các doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ | | |

Chúng tôi xin cam đoan:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Tuân thủ các quy định về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, các quy định về quản lý ngoại hối và các quy định pháp luật có liên quan.

Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp/ngân hàng thương mại
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hồ sơ gửi kèm: (Doanh nghiệp, ngân hàng thương mại liệt kê các tài liệu gửi kèm)

PHỤ LỤC SỐ 10

TÊN DOANH NGHIỆP/
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI
Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XUẤT KHẨU VÀNG MIẾNG/
NHẬP KHẨU VÀNG MIẾNG/ NHẬP KHẨU VÀNG NGUYÊN LIỆU**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối)

- Tên doanh nghiệp/ngân hàng thương mại:
- Trụ sở chính:
- Giấy phép sản xuất vàng miếng số:

Căn cứ điều kiện quy định tại Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư số /2025/TT-NHNN ngày... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp Giấy phép xuất khẩu vàng miếng/Giấy phép nhập khẩu vàng miếng/Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu trong thời hạn ... cụ thể:

| STT | Loại vàng (Vàng miếng/ nguyên liệu) | Hàm lượng (%) | Khối lượng (kg) | Giá trị ước tính (USD) |
|-------------|--|------------------|--------------------|---------------------------|
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |
| ... | | | | |
| Tổng | | | | |

- Mục đích nhập khẩu vàng nguyên liệu (*đối với đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu*):

| STT | Mục đích | Nhập khẩu vàng nguyên liệu | |
|-----|---|----------------------------|-----------------|
| | | Loại vàng (hàm lượng %) | Khối lượng (kg) |
| 1 | Sản xuất vàng miếng và bán cho doanh nghiệp, ngân hàng thương mại được cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng | | |
| 2 | Sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ và bán cho các doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ | | |

- Cửa khẩu dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu:

Chúng tôi xin cam đoan:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Tuân thủ các quy định về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, các quy định về quản lý ngoại hối và các quy định pháp luật có liên quan.

**Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp
/ngân hàng thương mại
(Ký, họ tên, đóng dấu)**

Hồ sơ gửi kèm: (Doanh nghiệp, ngân hàng thương mại liệt kê các tài liệu gửi kèm)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM
CHI NHÁNH KHU VỰC...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC SỐ 11

Số:

..., ngày... tháng... năm...

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT VÀNG TRANG SỨC MỸ NGHỆ**

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM CHI NHÁNH KHU VỰC.....

Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số /2025/TT-NHNN ngày tháng năm 2025 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP;

Xét đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ và Hồ sơ kèm theo của

CHỨNG NHẬN

Điều 1. Chứng nhận:

1. Tên doanh nghiệp:
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:
3. Địa chỉ trụ sở chính:

Địa điểm sản xuất:

đủ điều kiện và được phép hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ.

Điều 2. Trong quá trình hoạt động doanh nghiệp phải chấp hành nghiêm túc các quy định tại Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, Nghị định số 232/2025/NĐ-CP ngày 26/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, Thông tư số ... /2025/TT-NHNN ngày của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp...;
- Lưu: NHNN CN Khu vực...

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM
CHI NHÁNH KHU VỰC...

PHỤ LỤC SỐ 12
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ

GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM CHI NHÁNH KHU VỰC...

Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số /2025/TT-NHNN ngày ... hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP;

Xét văn bản đề nghị số ... ngày ... của (tên doanh nghiệp) và hồ sơ kèm theo,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Các nội dung ... tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của (tên doanh nghiệp) số ... ngày... được sửa đổi, bổ sung như sau:

.....

Điều 2. Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của (tên doanh nghiệp) có hiệu lực kể từ ngày ký và là một bộ phận không tách rời của Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp ...;
- Lưu: NHNN CN Khu vực...

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM
CHI NHÁNH KHU VỰC ...

PHỤ LỤC SỐ 13a
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày... tháng... năm...

**GIẤY PHÉP/ GIẤY PHÉP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠM NHẬP
VÀNG NGUYÊN LIỆU ĐỂ TÁI XUẤT SẢN PHẨM**

GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH KHU VỰC ...

Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP

Căn cứ Thông tư số ... ngày ... hướng dẫn một số điều của Nghị định 24/2012/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Giấy phép ... ngày... (đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung Giấy phép);

Xét đơn đề nghị cấp/ sửa đổi bổ sung Giấy phép tạm nhập khẩu vàng nguyên liệu và hồ sơ kèm theo của doanh nghiệp ...;

Theo đề nghị của ... ,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. (Trường hợp cấp Giấy phép) Cho phép doanh nghiệp ... được nhập khẩu vàng nguyên liệu với khối lượng ... Kg (*Bằng chữ*) qua cửa khẩu ... trong năm ... để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ xuất khẩu, cụ thể như sau:

| Loại vàng <i>(hàm lượng theo kara)</i> | Khối lượng <i>(Kg)</i> |
|--|----------------------------------|
| 24K | |
| 18K | |
| ... | ... |
| Tổng | |

Việc tái xuất sản phẩm thực hiện trong thời hạn có giá trị của Giấy phép.

(Trường hợp sửa đổi, bổ sung Giấy phép) Sửa đổi, bổ sung Giấy phép số ... ngày ... với nội dung cụ thể như sau: (*nêu cụ thể nội dung sửa đổi, bổ sung*)

Điều 2. Yêu cầu doanh nghiệp chấp hành nghiêm túc các quy định tại Nghị định 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP), Thông tư số ... ngày ... hướng dẫn một số điều của Nghị định 24/2012/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP).

Điều 3. Giấy phép này có giá trị đến hết ngày

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp...;
- Cục Hải quan;
- Lưu: ...

PHỤ LỤC SỐ 13b

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM
CHI NHÁNH KHU VỰC...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU VÀNG NGUYÊN LIỆU

GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH KHU VỰC...

Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số /2025/TT-NHNN ngày tháng năm 2025 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP;

Xét đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu và hồ sơ kèm theo của (tên doanh nghiệp);

Theo đề nghị của,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cho phép doanh nghiệp ... được nhập khẩu vàng nguyên liệu với khối lượng ... Kg (Bằng chữ) qua cửa khẩu ... trong năm ... để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ, cụ thể như sau:

| Loại vàng (hàm lượng theo kara) | Khối lượng (Kg) |
|------------------------------------|--------------------|
| 24K | |
| 18K | |
| | ... |
| Tổng | |

Điều 2. Yêu cầu doanh nghiệp chấp hành nghiêm túc các quy định tại Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP), Thông tư số ... /2025/TT-NHNN ngày ... hướng dẫn một số điều của Nghị định 24/2012/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP).

Điều 3. Giấy phép này có giá trị đến hết ngày

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp...;
- Cục Hải quan;
- Lưu: ..

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHỤ LỤC SỐ 14

Số:

..., ngày... tháng... năm...

GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU VÀNG NGUYÊN LIỆU
(đối với doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực khai thác vàng)/
XUẤT KHẨU VÀNG NGUYÊN LIỆU
(đối với doanh nghiệp có Giấy phép khai thác vàng tại Việt Nam)

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số /2025/TT-NHNN ngày tháng năm 2025 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý ngoại hối,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cho phép doanh nghiệp ... được nhập khẩu do Công ty khai thác vàng từ nước ngoài/xuất khẩu vàng nguyên liệu do Công ty khai thác trong nước với khối lượng... Kg (Bằng chữ) qua cửa khẩu....., cụ thể như sau:

| Loại vàng (hàm lượng theo kara) | Khối lượng (Kg) |
|---|---------------------------|
| 24K | |
| 18K | |
| | |
| Tổng | |

Doanh nghiệp... tự chịu trách nhiệm về nguồn gốc vàng nguyên liệu nhập khẩu là do Công ty ... khai thác được từ nước ngoài/xuất khẩu là do Công ty ... đã khai thác trong nước.

Điều 2. Yêu cầu Công ty chấp hành nghiêm túc các quy định tại Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, Nghị định số 232/2025/NĐ-CP ngày 26/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, Thông tư số ... ngày của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Giấy phép này có giá trị đến hết ngày.....

THỐNG ĐỐC

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp...;
- Cục Hải quan;
- NHNN CN Khu vực...;
- Lưu: VP, QLNH.

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

Số: /GP-NHNN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

PHỤ LỤC SỐ 15

GIẤY PHÉP KINH DOANH MUA, BÁN VÀNG MIẾNG

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số /2025/TT-NHNN ngày tháng năm 2025 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP;

*Xét đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng và hồ sơ kèm theo;
Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý ngoại hối,*

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cho phép:

- Tên doanh nghiệp/tổ chức tín dụng:
- Địa chỉ trụ sở chính:

hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng.

Điều 2. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Giấy phép này được lập thành năm (05) bản chính: một (01) bản cấp cho (*tên tổ chức tín dụng/doanh nghiệp*), ba (03) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, một (01) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.../.

Nơi nhận:

- DN/TCTD;
- NHNN CN Khu vực...;
- Thanh tra NHNN;
- Lưu: VP, QLNH.

THÔNG ĐỐC

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHỤ LỤC SỐ 16

Số: /GP-NHNN

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

**GIẤY PHÉP SẢN XUẤT VÀNG MIÉNG/
QUYẾT ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP SẢN XUẤT VÀNG MIÉNG**

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số /2025/TT-NHNN ngày tháng năm 2025 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP;

Xét đơn đề nghị cấp/sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất vàng miếng và hồ sơ kèm theo của doanh nghiệp/ngân hàng thương mại.....;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý ngoại hối,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cho phép

1. Tên doanh nghiệp/ngân hàng thương mại:
2. Trụ sở chính:

được phép sản xuất vàng miếng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này được lập thành năm (06) bản chính: một (01) bản cấp cho doanh nghiệp/ngân hàng thương mại..., ba (03) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, một (01) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực (nơi doanh nghiệp/ngân hàng thương mại đặt trụ sở chính), một (01) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực (đối với trường hợp nơi doanh nghiệp/ngân hàng thương mại đặt cơ sở sản xuất khác với trụ sở chính)./.

Nơi nhận:

- DN/NHTM;
- Thanh tra NHNN;
- NHNN CN Khu vực...;
- Lưu: VP, QLNH.

THÔNG ĐỐC

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHỤ LỤC SỐ 17

Số:

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

**HẠN MỨC XUẤT KHẨU VÀNG MIẾNG,
NHẬP KHẨU VÀNG MIẾNG, NHẬP KHẨU VÀNG NGUYÊN LIỆU**

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số /2025/TT-NHNN ngày tháng năm 2025 hướng dẫn một số điều của Nghị định 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý ngoại hối,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cho phép

- Tên doanh nghiệp/ngân hàng thương mại:
- Trụ sở chính:
- Giấy phép sản xuất vàng miếng số:

Được xuất khẩu vàng miếng/nhập khẩu vàng miếng/nhập khẩu vàng nguyên liệu trong năm cụ thể như sau:

| STT | Xuất khẩu vàng miếng | | Nhập khẩu vàng miếng | | Nhập khẩu vàng nguyên liệu | |
|-----|----------------------------|--------------------|----------------------------|--------------------|----------------------------|--------------------|
| | Loại vàng (hàm lượng %) | Khối lượng (kg) | Loại vàng (hàm lượng %) | Khối lượng (kg) | Loại vàng (hàm lượng %) | Khối lượng (kg) |
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |
| ... | | | | | | |

4. Mục đích nhập khẩu vàng nguyên liệu (đối với đề nghị cấp Hạn mức nhập khẩu vàng nguyên liệu):

| STT | Mục đích | Nhập khẩu vàng nguyên liệu | |
|-----|---|----------------------------|-----------------|
| | | Loại vàng (hàm lượng %) | Khối lượng (kg) |
| 1 | Sản xuất vàng miếng và bán cho doanh nghiệp, NHTM được cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng | | |
| 2 | Sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ và bán cho các doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ | | |

5. Doanh nghiệp/ngân hàng thương mại... có trách nhiệm tự thu xếp nguồn ngoại tệ để thực hiện nhập khẩu vàng; tự chịu trách nhiệm về nguồn gốc vàng dùng để xuất khẩu/nhập khẩu.

6. Yêu cầu doanh nghiệp/ngân hàng thương mại chấp hành nghiêm túc các quy định tại Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, Nghị định số 232/2025/NĐ-CP ngày 26/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, Thông tư số /2025/TT-NHNN ngày của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp luật khác có liên quan.

7. Hạn mức này có giá trị đến hết ngày.....

Điều 2. Quyết định này được lập thành năm (06) bản chính: một (01) bản cấp cho doanh nghiệp/ngân hàng thương mại..., ba (03) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, một (01) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực (nơi doanh nghiệp/ngân hàng thương mại đặt trụ sở chính, một (01) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Khu vực... (nơi doanh nghiệp/ngân hàng thương mại đặt cơ sở sản xuất)/.

Nơi nhận:

- DN/NHTM;
- Cục Hải quan (để phối hợp);
- NHNN CN Khu vực...;
- Lưu: VP, QLNH.

THỐNG ĐỐC

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAMCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC SỐ 18

Số: /GP-NHNN

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm...

**GIẤY PHÉP XUẤT KHẨU VÀNG MIẾNG/
NHẬP KHẨU VÀNG MIẾNG/ NHẬP KHẨU VÀNG NGUYÊN LIỆU****THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số /2025/TT-NHNN ngày tháng năm 2025 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý ngoại hối,

QUYẾT ĐỊNH**Điều 1. Cho phép**

- Tên doanh nghiệp/ngân hàng thương mại:
- Trụ sở chính:
- Giấy phép sản xuất vàng miếng số:

Được xuất khẩu vàng miếng/nhập khẩu vàng miếng/nhập khẩu vàng nguyên liệu với khối lượng... Kg (*Bằng chữ*) qua cửa khẩu....., cụ thể như sau:

| STT | Loại vàng (Vàng miếng/ nguyên liệu) | Hàm lượng (%) | Khối lượng (kg) |
|------|--|------------------|--------------------|
| 1 | | | |
| 2 | | | |
| ... | | | |
| Tổng | | | |

4. Mục đích nhập khẩu vàng nguyên liệu (*đối với đề nghị cấp Hạn mức nhập khẩu vàng nguyên liệu*):

| STT | Mục đích | Nhập khẩu vàng nguyên liệu | |
|-----|---|----------------------------|-----------------|
| | | Loại vàng (hàm lượng %) | Khối lượng (kg) |
| 1 | Sản xuất vàng miếng và bán cho doanh nghiệp, ngân hàng thương mại được cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng | | |
| 2 | Sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ và bán cho các doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ | | |

5. Doanh nghiệp/ngân hàng thương mại... có trách nhiệm tự thu xếp nguồn ngoại tệ để thực hiện nhập khẩu vàng; tự chịu trách nhiệm về nguồn gốc vàng dùng để xuất khẩu/nhập khẩu.

6. Yêu cầu doanh nghiệp/ngân hàng thương mại chấp hành nghiêm túc các quy định tại Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, Nghị định số 232/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, Thông tư số /2025/TT-NHNN ngày của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp luật khác có liên quan.

7. Giấy phép này có giá trị đến hết ngày.....

Điều 2. Quyết định này được lập thành năm (06) bản chính: một (01) bản cấp cho doanh nghiệp/ngân hàng thương mại..., ba (03) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, một (01) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực (nơi doanh nghiệp/ngân hàng thương mại đặt trụ sở chính, một (01) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Khu vực... (nơi doanh nghiệp/ngân hàng thương mại đặt cơ sở sản xuất)/.

Nơi nhận:

- DN/NHTM;
- Cục Hải quan (để phối hợp);
- NHNN CN Khu vực...;
- Lưu: VP, QLNH.

THÔNG ĐỐC

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM
CHI NHÁNH KHU VỰC...

PHỤ LỤC SỐ 19
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH

về việc thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ

GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH KHU VỰC...

Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số /2025/TT-NHNN ngày tháng năm 2025 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP;

Xét văn bản đề nghị số ... ngày ... của (tên doanh nghiệp) và hồ sơ kèm theo,

Căn cứ kết quả thanh tra, giám sát, văn bản đề nghị số ... ngày ... của (tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền),

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ:

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

Điều 2. (trường hợp doanh nghiệp bị yêu cầu chấm dứt hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ)

Trong thời hạn tối đa 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định này, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp lại bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ và bản chính các tài liệu là bộ phận không tách rời của Giấy chứng nhận (nếu có), đồng thời chấm dứt hoạt động sản xuất vàng trang sức mỹ nghệ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp;
- Lưu: NHNN Khu vực....

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

Số: /QĐ-NHNN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

PHỤ LỤC SỐ 20

**QUYẾT ĐỊNH
về việc thu hồi Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng**

THÔNG ĐỌC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số .../2025/TT-NHNN ngày ... tháng ... năm 2025 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP;

Xét văn bản đề nghị số ... ngày ... của (tên doanh nghiệp, tổ chức tín dụng) và hồ sơ kèm theo;/ Căn cứ kết quả thanh tra, giám sát, văn bản đề nghị số ... ngày ... của (tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền);

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý ngoại hối,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thu hồi Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng của doanh nghiệp/tổ chức tín dụng sau:

Tên doanh nghiệp/tổ chức tín dụng:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điều 2. (Trường hợp doanh nghiệp/tổ chức tín dụng bị yêu cầu chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng)

Trong thời hạn tối đa 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định này, (tên doanh nghiệp/tổ chức tín dụng) có trách nhiệm nộp lại bản chính Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng và bản chính các tài liệu là bộ phận không tách rời của Giấy phép (nếu có), đồng thời chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

THÔNG ĐỌC

Nơi nhận:

- DN/TCTD;
- Thanh tra NHNN;
- NHNN CN Khu vực...;
- Lưu: VP, QLNH.

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHỤ LỤC SỐ 21

Số: /QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH

về việc thu hồi Giấy phép sản xuất vàng miếng

Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số /2025/TT-NHNN ngày tháng năm 2025 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 232/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý ngoại hối,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thu hồi Giấy phép số ... ngày ... tháng ... năm ... và Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có) đã cấp cho (*tên doanh nghiệp/ngân hàng thương mại*)

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

1. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, (*tên doanh nghiệp/ngân hàng thương mại*) có trách nhiệm chấm dứt ngay hoạt động sản xuất vàng miếng.

2. Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày quyết định thu hồi Giấy phép sản xuất vàng miếng có hiệu lực, (*tên doanh nghiệp/ngân hàng thương mại*) bị thu hồi Giấy phép sản xuất vàng miếng nộp lại bản chính Giấy phép sản xuất vàng miếng và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối).

Điều 3: (*Tên doanh nghiệp/ngân hàng thương mại*) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- DN/NHTM ... ;
- Thanh tra NHNN;
- NHNN CN Khu vực...;
- Lưu: VP, QLNH.

THÔNG ĐỐC

PHỤ LỤC SỐ 22

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM
CHI NHÁNH KHU VỰC...

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm...

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀNG
Quý ... / Năm ...

1. Số lượng doanh nghiệp sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ trên địa bàn: ...

2. Số liệu báo cáo tổng hợp (của các doanh nghiệp tại Mục 1):

| STT | Loại vàng (kara) | Khối lượng SX vàng TSMN (kg) | Trị giá (triệu đồng) | Lũy kế từ đầu năm (kg) | Thay đổi so với kỳ trước (%) | Dự kiến kỳ tiếp theo (kg) |
|-----------|--|------------------------------------|----------------------------|---------------------------|------------------------------------|---------------------------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| I | Tổng (I=I.1 + I.2 + I.3 +I.4) | ... | ... | | | |
| I.1 | Vàng TSMN 24k | ... | ... | ... | ... | ... |
| I.2 | Vàng TSMN 18k | ... | ... | ... | ... | ... |
| I.3 | Vàng TSMN 14k | ... | ... | ... | ... | ... |
| I.4 | Tổng các loại vàng TSMN hàm lượng khác quy 24k | ... | ... | ... | ... | ... |
| II | Tổng (quy vàng 24k) | ... | | | | |

3. Số lượng doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài thực hiện nhập khẩu vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm sản xuất vàng trên địa bàn: ...

4. Số liệu báo cáo tổng hợp (của các doanh nghiệp tại Mục 3):

| STT | Loại vàng (kara) | Hạn mức (kg) | Tồn đầu kỳ | | Thực nhập | | Sản xuất | Thực xuất | | Tồn cuối kỳ | |
|-----------|--|--------------|-----------------|---------------|-----------------|---------------|-----------------|-----------------|---------------|-----------------|---------------|
| | | | Khối lượng (kg) | Giá trị (USD) | Khối lượng (kg) | Giá trị (USD) | Khối lượng (kg) | Khối lượng (kg) | Giá trị (USD) | Khối lượng (kg) | Giá trị (USD) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| I | Tổng (I=I.1 + I.2 + I.3 +I.4) | ... | | ... | | ... | | | ... | | ... |
| I.1 | Vàng TSMN 24k | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| I.2 | Vàng TSMN 18k | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| I.3 | Vàng TSMN 14k | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| I.4 | Tổng các loại vàng TSMN hàm lượng khác quy 24k | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| II | Tổng (quy vàng 24k) | ... | ... | | ... | | ... | ... | | ... | |

5. Số lượng doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng TSMN trên địa bàn: ...

6. Số liệu báo cáo tổng hợp (của các doanh nghiệp tại Mục 5):

| STT | Loại vàng (kara) | Hạn mức (kg) | Tồn đầu kỳ | | Thực nhập | | Mua trong nước | | Sản xuất | Thực xuất | | Bán trong nước | | Tồn cuối kỳ | |
|-----|------------------|--------------|-----------------|---------------|-----------------|---------------|-----------------|---------------|-----------------|-----------------|---------------|-----------------|---------------|-----------------|---------------|
| | | | Khối lượng (kg) | Giá trị (USD) | Khối lượng (kg) | Giá trị (USD) | Khối lượng (kg) | Giá trị (VND) | Khối lượng (kg) | Khối lượng (kg) | Giá trị (USD) | Khối lượng (kg) | Giá trị (VND) | Khối lượng (kg) | Giá trị (USD) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) |

| | | | | | | | | | | | | | | |
|------------|---|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|
| I | Tổng (I=I.1 + I.2 + I.3 +I.4) | ... | | ... | | ... | | ... | | ... | | ... | | ... |
| <i>I.1</i> | <i>Vàng TSMN 24k</i> | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| <i>I.2</i> | <i>Vàng TSMN 18k</i> | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| <i>I.3</i> | <i>Vàng TSMN 14k</i> | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| <i>I.4</i> | <i>Tổng các loại vàng TSMN hàm lượng khác quy 24k</i> | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| II | Tổng (quy vàng 24k) | ... | ... | | ... | | ... | | ... | ... | | ... | | ... |

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: NHNN CN Khu vực ...;

1. Đơn vị gửi báo cáo: NHNN Chi nhánh khu vực

2. Yêu cầu số liệu báo cáo: Đây là mẫu báo cáo của NHNN Chi nhánh khu vực tổng hợp số liệu gửi NHNN.

3. Thời hạn gửi báo cáo: chậm nhất vào ngày 20 của tháng đầu quý tiếp theo quý báo cáo (đối với báo cáo quý), chậm nhất vào ngày 20 của tháng 01 của năm tiếp theo năm báo cáo (đối với báo cáo năm).

4. Đơn vị nhận báo cáo: NHNN (Cục QLNH)

5. Hướng dẫn lập báo cáo:

- *Số lượng doanh nghiệp:* Tổng số doanh nghiệp được cấp phép thực hiện hoạt động do các NHNN chi nhánh khu vực quản lý.
- *Số liệu báo cáo tổng hợp:* số liệu tổng hợp của tất cả các doanh nghiệp thực hiện hoạt động trên địa bàn khu vực.
- Bảng tại Mục 4: Số liệu cột (4) và (5) của quý này phải bằng số liệu cột (11) và (12) của quý trước.
- Bảng tại Mục 6: Số liệu cột (4) và (5) của quý này phải bằng số liệu cột (15) và (16) của quý trước.
- Các ô xám trong bảng là các ô không nhập số liệu.

PHỤ LỤC SỐ 23

TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG/
DOANH NGHIỆPCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

... , ngày... tháng... năm...

Kính gửi: Ngân hàng nhà nước Việt Nam (Cục quản lý ngoại hối)

**BÁO CÁO THAY ĐỔI NỘI DUNG THÔNG TIN TRÊN
GIẤY PHÉP KINH DOANH MUA, BÁN VÀNG MIẾNG VÀ
ĐIỀU CHỈNH ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH MUA, BÁN VÀNG MIẾNG
(Quý ... năm...)**

Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng số... ngày...

1. Báo cáo nội dung thay đổi thông tin trên Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng

| STT | Nội dung thông tin trên Giấy phép | Trước thay đổi | Sau thay đổi | Số, ngày đăng ký kinh doanh/đăng ký doanh nghiệp |
|-----|-----------------------------------|----------------|--------------|--|
| 1 | Tên TCTD/doanh nghiệp | | | |
| 2 | Địa chỉ trụ sở chính | | | |
| 3 | Vốn điều lệ | | | |

2. Báo cáo mạng lưới kinh doanh mua, bán vàng miếng

| STT | Nội dung | Số lượng |
|-----|---|----------|
| 1 | Tổng số địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng quý trước | |
| 2 | Số địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng thay đổi tên, địa chỉ | |
| 3 | Số địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng bổ sung trong quý báo cáo | |
| 4 | Số địa điểm chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng trong quý báo cáo | |
| 5 | Tổng số địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng đến hết quý báo cáo | |

3. Danh sách địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng thay đổi tên, địa chỉ

| STT | Trước thay đổi | | Sau thay đổi | | Số, ngày đăng ký kinh doanh của địa điểm thay đổi |
|-----|----------------|---------|--------------|---------|---|
| | Tên | Địa chỉ | Tên | Địa chỉ | |
| 1 | | | | | |
| ... | | | | | |

4. Danh sách địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng bổ sung

| STT | Tên địa điểm | Địa chỉ | Số, ngày đăng ký kinh doanh của địa điểm bổ sung |
|-----|--------------|---------|--|
| 1 | | | |
| ... | | | |

5. Danh sách địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng chấm dứt hoạt động

| STT | Tên địa điểm | Địa chỉ | Số, ngày đăng ký kinh doanh của địa điểm chấm dứt |
|-----|--------------|---------|---|
| 1 | | | |
| ... | | | |

Người lập biểu
(Ký, họ tên, số điện thoại)

**Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp/
tổ chức tín dụng/** (Ký, họ tên, đóng dấu)

- Đơn vị gửi báo cáo:** TCTD/ doanh nghiệp được phép kinh doanh mua, bán vàng miếng
- Thời hạn gửi báo cáo:** chậm nhất vào ngày 15 của tháng đầu quý tiếp theo quý báo cáo (đối với báo cáo quý), chậm nhất vào ngày 15 của tháng 01 của năm tiếp theo năm báo cáo (đối với báo cáo năm).
- Đơn vị nhận báo cáo:** NHNN (Cục QLNH)

TÊN DOANH NGHIỆP

PHỤ LỤC SỐ 24

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀNG TRANG SỨC, MỸ NGHỆ*(Áp dụng cho doanh nghiệp hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ)*

Báo cáo quý... / Năm...

| STT | Loại vàng (kara) | Khối lượng SX vàng TSMN (kg) | Trị giá (triệu đồng) | Lũy kế từ đầu năm (kg) | Thay đổi so với kỳ trước (%) | Dự kiến kỳ tiếp theo (kg) |
|-----------|--|------------------------------------|-------------------------|------------------------------|------------------------------------|---------------------------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| I | Tổng (I=I.1 + I.2 + I.3 +I.4) | ... | ... | | | |
| I.1 | Vàng TSMN 24k | ... | ... | ... | ... | ... |
| I.2 | Vàng TSMN 18k | ... | ... | ... | ... | ... |
| I.3 | Vàng TSMN 14k | ... | ... | ... | ... | ... |
| I.4 | Tổng các loại vàng TSMN hàm lượng khác quy 24k | ... | ... | ... | ... | ... |
| II | Tổng (quy vàng 24k) | ... | | | | |

Người lập biểu

(Ký, họ tên, điện thoại liên hệ)

Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp

(Ký, họ tên, đóng dấu)

- Đơn vị gửi báo cáo:** Doanh nghiệp hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ
- Thời hạn gửi báo cáo:** chậm nhất vào ngày 15 của tháng đầu quý tiếp theo quý báo cáo (đối với báo cáo quý), chậm nhất vào ngày 15 của tháng 01 của năm tiếp theo năm báo cáo (đối với báo cáo năm).
- Đơn vị nhận báo cáo:** NHNN chi nhánh Khu vực.
- Hướng dẫn lập báo cáo:** Các ô xám trong bảng là các ô không nhập số liệu.

PHỤ LỤC SỐ 25

TÊN NHTM/ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: Ngân hàng nhà nước Việt Nam (Cục quản lý ngoại hối)

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀNG MIẾNG*(Áp dụng cho doanh nghiệp, NHTM được cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng)***Tháng ... / Năm ...**

| # | Loại vàng | Khối lượng sản xuất (lượng) | | |
|-----------|--|-----------------------------|--|------|
| | | Miếng có trọng lượng 10 chỉ | Miếng có các trọng lượng khác (1 chỉ, 2 chỉ, 5 chỉ ..) | Tổng |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| I | Thương hiệu A (I = I.1 + I.2 + ... + I.n) | ... | ... | ... |
| I.1 | Ngày .../.../... | ... | ... | ... |
| I.2 | Ngày .../.../... | ... | ... | ... |
| | ... | ... | ... | ... |
| I.n | Ngày .../.../... | ... | ... | ... |
| II | Thương hiệu B (II = II.1 + II.2 + ... + II.n) | ... | ... | ... |
| II.1 | Ngày .../.../... | ... | ... | ... |
| II.2 | Ngày .../.../... | ... | ... | ... |
| | ... | ... | ... | ... |
| II.n | Ngày .../.../... | ... | ... | ... |
| N | Thương hiệu N (N = N.1 + N.2 + .. + N.n) | ... | ... | ... |
| N.1 | Ngày .../.../... | ... | ... | ... |
| N.2 | Ngày .../.../... | ... | ... | ... |
| | ... | ... | ... | ... |
| N.n | Ngày .../.../... | ... | ... | ... |
| | ... | ... | ... | ... |
| | Tổng khối lượng sản xuất trong tháng (= I + II + ... + N) | ... | ... | ... |

Người lập biểu
(Ký, họ tên, điện thoại liên hệ)

**Người đại diện hợp pháp của
doanh nghiệp/ngân hàng thương mại**
(Ký, họ tên, đóng dấu)

- 1. Đơn vị gửi báo cáo:** NHTM, doanh nghiệp được phép sản xuất vàng miếng
- 2. Yêu cầu số liệu báo cáo:** Trụ sở chính của NHTM, doanh nghiệp tổng hợp số liệu toàn hệ thống gửi NHNN
- 3. Đơn vị nhận báo cáo:** NHNN (Cục Quản lý ngoại hối)
- 4. Thời hạn gửi báo cáo:** chậm nhất vào ngày 08 của tháng tiếp theo tháng báo cáo (đối với báo cáo tháng), chậm nhất vào ngày 15 của tháng 01 năm tiếp theo năm báo cáo (đối với báo cáo năm).
- 5. Hướng dẫn lập báo cáo:**
 - Báo cáo chi tiết theo khối lượng sản xuất vàng miếng của từng thương hiệu vàng miếng của từng ngày phát sinh hoạt động sản xuất vàng miếng trong tháng báo cáo.
 - Cột (3) là khối lượng sản xuất vàng miếng loại vàng miếng có định lượng là 10 chỉ (1 lượng) (*liệt kê theo thương hiệu và ngày sản xuất*)
 - Cột (4) là tổng khối lượng sản xuất vàng miếng của các loại vàng miếng có định lượng khác 10 chỉ (như 1 chỉ, 2 chỉ, 5 chỉ ...) (*liệt kê theo thương hiệu và ngày sản xuất*).
 - Cột (5) = tổng của cột (3) và cột (4)

Người lập biểu
(Ký, họ tên, điện thoại liên hệ)

**Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp/ngân hàng
thương mại**
(Ký, họ tên, đóng dấu)

- 1. Đơn vị gửi báo cáo:** NHTM, doanh nghiệp được cấp phép xuất khẩu/ nhập khẩu vàng miếng/nhập khẩu vàng nguyên liệu.
- 2. Yêu cầu số liệu báo cáo:** Trụ sở chính của NHTM, doanh nghiệp tổng hợp số liệu toàn hệ thống gửi NHNN.
- 3. Đơn vị nhận báo cáo:** NHNN (Cục Quản lý ngoại hối)
- 4. Thời hạn gửi báo cáo:** chậm nhất vào ngày 08 của tháng tiếp theo tháng báo cáo (đối với báo cáo tháng), chậm nhất vào ngày 15 của tháng 01 năm tiếp theo năm báo cáo (đối với báo cáo năm).
- 5. Hướng dẫn lập báo cáo:**
 - Số liệu vàng được thống kê trong báo cáo này là vàng có hàm lượng từ 99,5% trở lên.
 - Giá trị xuất/ nhập khẩu quy USD: là giá trị xuất/ nhập khẩu đã bao gồm các loại chi phí theo hợp đồng xuất/ khẩu nhập khẩu
 - Hạn mức còn lại tại cột (9): bằng Hạn mức cấp theo Giấy phép tại cột (5) – Khối lượng xuất/ nhập khẩu thực tế tại cột (6).
 - Các ô xám trong bảng là các ô không nhập số liệu.

PHỤ LỤC SỐ 27

TÊN DOANH NGHIỆP/
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠICỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... , ngày ... tháng ... năm

Kính gửi: Ngân hàng nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối)**BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU VÀNG***(áp dụng cho các doanh nghiệp, ngân hàng thương mại được phép xuất khẩu/ nhập khẩu vàng miếng/ nhập khẩu vàng nguyên liệu)***Báo cáo từ ... đến ...***Đơn vị: Kg vàng*

| STT | Nội dung | Hạn mức được cấp | Khối lượng đã thực hiện |
|-----|----------------------------|------------------|--|
| 1 | Xuất khẩu vàng miếng | | |
| 2 | Nhập khẩu vàng miếng | | |
| 3 | Nhập khẩu vàng nguyên liệu | | (nêu rõ tình hình sử dụng vàng nguyên liệu đã nhập khẩu theo mục đích tại Giấy phép nhập khẩu) |

Người lập biểu
*(Ký, họ tên, số điện thoại)***Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp/
ngân hàng thương mại**
(Ký, họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 28

TÊN DOANH NGHIỆP/TCTD

Kính gửi: Ngân hàng nhà nước Việt Nam (Cục quản lý ngoại hối)

BÁO CÁO DOANH SỐ MUA, BÁN VÀNG MIẾNG HÀNG NGÀY

(Áp dụng đối với các TCTD/ doanh nghiệp được NHNN cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng)

Ngày ... tháng ... năm ...

| STT | Khách hàng | Mã TCTD/ Doanh nghiệp/ CCCD của cá nhân | Doanh số mua | | Doanh số bán | |
|------------|--|---|----------------------------|------------------------|----------------------------|------------------------|
| | | | Khối lượng (lượng vàng) | Giá trị (triệu VNĐ) | Khối lượng (lượng vàng) | Giá trị (triệu VNĐ) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| I | Tổng TCTD (I = I.1 + I.2 + ... + I.n) | | ... | ... | ... | ... |
| I.1 | TCTD 1 | ... | ... | ... | ... | ... |
| I.2 | TCTD 2 | ... | ... | ... | ... | ... |
| | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| I.n | TCTD n | ... | ... | ... | ... | ... |
| II | Tổng doanh nghiệp (II = II.1 + II.2 + ... + II.n) | | ... | ... | ... | ... |
| II.1 | Doanh nghiệp 1 | ... | ... | ... | ... | ... |
| II.2 | Doanh nghiệp 2 | ... | ... | ... | ... | ... |
| | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| II.n | Doanh nghiệp n | ... | ... | ... | ... | ... |
| III | Tổng cá nhân (III = III.1 + III.2 + ... + III.n) | | ... | ... | ... | ... |
| III.1 | Cá nhân 1 | ... | ... | ... | ... | ... |
| III.2 | Cá nhân 2 | ... | ... | ... | ... | ... |
| | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| III.n | Cá nhân n | ... | ... | ... | ... | ... |
| IV | Tổng TCTD, doanh nghiệp, cá nhân (IV = I+II+III) | | ... | ... | ... | ... |

Người lập biểu
(Ký, họ tên, số điện thoại liên hệ)

Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp/tổ chức tín dụng
(Ký, họ tên, đóng dấu)

1. **Đơn vị gửi báo cáo:** TCTD, doanh nghiệp được NHNN cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng
2. **Yêu cầu số liệu báo cáo:** Trụ sở chính của TCTD, doanh nghiệp tổng hợp số liệu toàn hệ thống gửi NHNN tổng doanh số mua, bán vàng miếng trong ngày.
3. **Đơn vị nhận báo cáo:** NHNN (Cục Quản lý ngoại hối)
4. **Thời hạn gửi báo cáo:** chậm nhất 14 giờ ngày làm việc tiếp theo ngay sau ngày báo cáo.
5. **Hướng dẫn lập báo cáo:**
 - Các cột (4) và (5): là khối lượng và giá trị vàng miếng của TCTD/ doanh nghiệp **mua vào** trong ngày báo cáo.
 - Các cột (6) và (7): là khối lượng và giá trị vàng miếng của TCTD/ doanh nghiệp **bán ra** trong ngày báo cáo.
 - Yêu cầu báo cáo cụ thể số liệu của từng TCTD/doanh nghiệp/cá nhân.
 - **Nhập tên** TCTD/doanh nghiệp/cá nhân vào cột (2), **nhập mã** TCTD/doanh nghiệp/CCCD cá nhân vào cột (3).
 - Các ô xám trong bảng là các ô không nhập số liệu.

PHỤ LỤC SỐ 29

TÊN DOANH NGHIỆP/NHTM

... , ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: Ngân hàng nhà nước Việt Nam (Cục quản lý ngoại hối)

BÁO CÁO NGUỒN NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT VÀNG MIẾNG*(Áp dụng cho doanh nghiệp, NHTM được cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng)**Tháng ... năm ...*

| | Nguồn nguyên liệu | Giấy phép nhập khẩu (áp dụng đối với nguồn SX từ NK) | Thương hiệu (áp dụng đối với vàng miếng) | Khối lượng (kg) |
|------------|---|---|---|--------------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| I | Vàng do NHTM/ doanh nghiệp tự nhập khẩu để sản xuất vàng miếng (= I.1 + I.2). Trong đó: | | | ... |
| I.1 | Vàng nguyên liệu (từ hàm lượng từ 99,5% trở lên) | ... | | ... |
| I.2 | Vàng miếng | ... | ... | ... |
| II | Vàng do NHTM/ doanh nghiệp mua từ NHTM/ doanh nghiệp khác để sản xuất vàng miếng (=II.1 + II.2). Trong đó: | | | ... |
| II.1 | Vàng nguyên liệu (từ hàm lượng từ 99,5% trở lên) | | | ... |
| II.2 | Vàng miếng | | | ... |
| III | Vàng do NHTM/ doanh nghiệp mua từ nguồn khác để sản xuất vàng miếng (KH cá nhân...) (= III.1 + III.2). Trong đó: | | | ... |
| III.1 | Vàng nguyên liệu (từ hàm lượng từ 99,5% trở lên) | | | ... |
| III.2 | Vàng miếng | | | ... |
| IV | Tổng (= I+II+III) | | | ... |

Người lập biểu
(Ký, họ tên, số điện thoại)

**Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp/
ngân hàng thương mại**
(Ký, họ tên, đóng dấu)

- Đơn vị gửi báo cáo:** NHTM, doanh nghiệp được cấp phép sản xuất vàng miếng
- Yêu cầu số liệu báo cáo:** Trụ sở chính của NHTM, doanh nghiệp tổng hợp số liệu toàn hệ thống gửi NHNN
- Đơn vị nhận báo cáo:** NHNN (Cục Quản lý ngoại hối)
- Thời hạn gửi báo cáo:** chậm nhất vào ngày 08 của tháng tiếp theo tháng báo cáo (đối với báo cáo tháng), chậm nhất vào ngày 15 của tháng 01 năm tiếp theo năm báo cáo (đối với báo cáo năm).
- Hướng dẫn lập báo cáo:** Các ô xám trong bảng là các ô không nhập số liệu.

PHỤ LỤC SỐ 30

TÊN DOANH NGHIỆP/NHTM

Kính gửi: Ngân hàng nhà nước Việt Nam (Cục quản lý ngoại hối)
BÁO CÁO DOANH SỐ MUA, BÁN VÀNG NGUYÊN LIỆU
Tháng ... / Năm ...

| STT | Khách hàng | Mã TCTD/ Doanh nghiệp/ CCCD của cá nhân | Doanh số mua | | Doanh số bán | |
|------------|--|---|-------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|
| | | | Khối lượng (kg vàng) | Giá trị (triệu VNĐ) | Khối lượng (kg vàng) | Giá trị (triệu VNĐ) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| I | Tổng cá nhân (I = I.1 + I.2 + ... + I.n) | | ... | ... | ... | ... |
| I.1 | Cá nhân 1 | ... | ... | ... | ... | ... |
| I.2 | Cá nhân 2 | ... | ... | ... | ... | ... |
| | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| I.n | Cá nhân n | ... | ... | ... | ... | ... |
| II | Tổng TCTD (II = II.1 + II.2 + ... + II.n) | | ... | ... | ... | ... |
| II.1 | TCTD 1 | ... | ... | ... | ... | ... |
| II.2 | TCTD 2 | ... | ... | ... | ... | ... |
| | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| II.n | TCTD n | ... | ... | ... | ... | ... |
| III | Tổng doanh nghiệp (III = III.1 + III.2 + ... + III.n) | | ... | ... | ... | ... |
| III.1 | Doanh nghiệp 1 | ... | ... | ... | ... | ... |
| III.2 | Doanh nghiệp 2 | ... | ... | ... | ... | ... |
| | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| III.n | Doanh nghiệp n | ... | ... | ... | ... | ... |
| IV | Tổng cá nhân, TCTD và doanh nghiệp (IV = I+II+III) | | ... | ... | ... | ... |

Người lập biểu
(Ký, họ tên, điện thoại)

Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp/ngân hàng thương mại
(Ký, họ tên, đóng dấu)

1. Đơn vị gửi báo cáo: NHTM, doanh nghiệp được NHNN cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng

2. Yêu cầu số liệu báo cáo: Trụ sở chính của NHTM/doanh nghiệp tổng hợp số liệu toàn hệ thống gửi NHNN, tổng khối lượng vàng mua, bán vàng nguyên liệu trong tháng theo từng khách hàng TCTD/doanh nghiệp/cá nhân

3. Đơn vị nhận báo cáo: NHNN (Cục Quản lý ngoại hối)

4. Thời hạn gửi báo cáo: chậm nhất vào ngày 08 của tháng tiếp theo tháng báo cáo (đối với báo cáo tháng), chậm nhất vào ngày 15 của tháng 01 năm tiếp theo năm báo cáo (đối với báo cáo năm).

5. Hướng dẫn lập báo cáo:

- Yêu cầu báo cáo cụ thể số liệu của từng khách hàng TCTD/ doanh nghiệp/cá nhân.
- Các cột (4), (5) là doanh số **mua** vàng nguyên liệu từ khách hàng của NHTM/ doanh nghiệp.
- Các cột (6), (7) là doanh số **bán** vàng nguyên liệu cho khách hàng của NHTM/ doanh nghiệp.
- **Nhập tên** TCTD/doanh nghiệp/cá nhân vào cột (2), **nhập mã** TCTD/doanh nghiệp/CCCD cá nhân vào cột (3).
- Các ô xám trong bảng là các ô không nhập số liệu.

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

Số: 07/VBHN-NHNN

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2026

**KT. THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC**

Đoàn Thái Sơn